Tên: ……

Lớp: S8…

Ngày giao bài: Thứ ……, ngày ……/…….

Ngày nộp bài: Thứ ……, ngày ……/…….

Week: 14 - GVVN

Ngữ pháp HW: ……

Nghe HW: ……

UNIT 1-2: LANGUAGES OF THE WORLD & DESIGN AND ARCHITECTURE - PASSIVE FORMS & PARTICIPLE CLAUSES REVISION

A. THEORY

I. GRAMMAR REVISION A: Present Simple Passive, Present Continuous Passive, Past Simple Passive

1. BỊ ĐỘNG LÀ GÌ?

Chủ động: People clean **the room** every day.
→ *nói về người làm (people)*

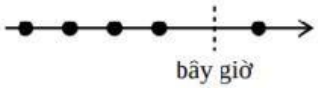
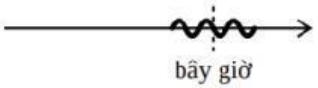
Bị động: The room [is] **cleaned** every day.
→ *nói về vật chịu tác động (the room)*

S + [BE] + V3/ed (+ by + người làm)

[BE] đổi theo thì & theo chủ ngữ mới

V3/ed luôn giữ nguyên

2. BỊ ĐỘNG Ở 3 THÌ: nhìn dấu hiệu thời gian / động từ chủ động → chọn BE

	Hiện tại đơn	**Hiện tại tiếp diễn**	**Quá khứ đơn**
			
	Lặp lại, sự thật	Đang xảy ra lúc nói	Đã xảy ra & kết thúc
Dấu hiệu	*every day, usually, often*	*now, at the moment, Look!*	*yesterday, last week, … ago*
Chủ động	V / V(s/es)	am/is/are + V-ing	V2/ed
Bị động	**[am/is/are]** + **V3/ed**	**[am/is/are being]** + **V3/ed**	**[was/were]** + **V3/ed**
(+)	The room **[is]** **cleaned** **every day.**	The room **[is being]** **cleaned** **now.**	The room **[was]** **cleaned** **yesterday.**
(–) + not	The room **[is]** **not** **cleaned**.	The room **[is]** **not** being **cleaned**.	The room **[was]** **not** **cleaned**.
(?) đảo BE	**[Is]** the room **cleaned**?	**[Is]** the room being **cleaned**?	**[Was]** the room **cleaned**?

- **Phủ định & câu hỏi:** chỉ **am/is/are/was/were** di chuyển; *being* và **V3/ed** đứng yên.
- **Câu hỏi Wh-:** thêm Wh- trước câu hỏi (?) → *When* **[was]** *the room* ***cleaned****?*

LIVEWORKSHEETS

3. CHUYỂN CHỦ ĐỘNG → BỊ ĐỘNG: 4 BƯỚC

Ví dụ: Nguyễn Du **wrote Truyện Kiều.** → **Truyện Kiều** [was] **written by Nguyễn Du.**

Bước 1	Tân ngữ (O) lên làm chủ ngữ mới	Truyện Kiều …
Bước 2	Xem thì của câu gốc → chọn BE, chia theo chủ ngữ mới	wrote → quá khứ → [was]
Bước 3	Động từ → V3/ed (bất quy tắc: cột 3; có quy tắc: + ed)	write → **written**
Bước 4	Người làm → by + tân ngữ (he → him, they → them)	by Nguyễn Du

Lưu ý: Bỏ **by + người làm** khi đó là *people / someone / they* hoặc không quan trọng: *People clean the room.* → *The room* [is] ***cleaned***.

II. GRAMMAR REVISION B

1. Past-participle Clauses – noun + V3/-ed (passive meaning)

Khi mệnh đề phụ ở dạng bị động **(be + V3/ed)**, có thể rút gọn: **bỏ từ nối (+ chủ ngữ) và be**, chỉ giữ **V3/ed** + … *(Trong ví dụ, phần bị bỏ được ~~gạch ngang~~.)*

	A. Sau danh từ	**B. Đầu câu**
Câu đầy đủ	mệnh đề quan hệ: who/which/that + be + V3/ed	mệnh đề lý do / điều kiện: because/if + S + be + V3/ed
Bỏ đi	**who/which/that + be**	**because/if + S + be**
Cấu trúc	**Noun + V3/ed + …**	**V3/ed + …, S + V …**
Ví dụ	The car ~~which was~~ **damaged** in the accident was towed away. The picture, ~~which was~~ **painted** by Sir John Everett Millais in 1886, shows his grandson.	*Lý do:* ~~Because she was~~ **worried** by the news, she called the hospital. *Điều kiện:* ~~If it is~~ **stored** in a cool place, the food will last longer.
Lưu ý	Cụm V3/ed đặt giữa hai dấu phẩy khi chỉ là thông tin thêm (như ví dụ 2).	Hai mệnh đề phải **cùng chủ ngữ**. **Sai:** *Damaged in the storm, we repaired the house.* (thành "chúng tôi bị hư hại")

2. Reporting Passive – It is thought that / S is thought to be…

Nói **ý kiến chung** (nhiều người nghĩ / tin / nói), thường gặp trong tin tức, văn viết trang trọng.

Câu gốc: People **think** that this painting is over 200 years old.

	Cách 1: bắt đầu bằng It	**Cách 2: bắt đầu bằng chủ ngữ thật**
Cấu trúc	**It + is + V3 + that + S + V …**	**S + is/are + V3 + to be + N/Adj …**
Ví dụ	It [is] **thought** that this painting is over 200 years old.	This painting [is] **thought to be** over 200 years old.
Cách chuyển	People think đổi thành It is thought, giữ nguyên phần that …	(1) Chủ ngữ sau that lên đầu câu. (2) think đổi thành is/are thought. (3) is/are sau that đổi thành **to be**.
Dùng khi	sau that là mệnh đề bất kỳ	sau that là **is/are + N/Adj**
V3 thường gặp	**thought** (được cho là) · **believed** (được tin là) · **said** (được nói là) **considered** (được coi là) · **known** (được biết là) The building [is] **said to be** haunted. · These statues [are] **believed to be** ancient.	

LIVEWORKSHEETS

B. CLASSWORK

GRAMMAR (10 questions)

I. Choose the correct answer. Circle A, B, C or D.

1. Pop-up windows _____ by most web browsers because many users find them annoying.
   A. block B. were blocking C. blocked D. are blocked
2. Look! The roof of the old tower _____ by workers, so the street below is closed to traffic.
   A. is being repaired B. is repaired C. repaired D. was repaired
3. The famous sculpture _____ from the city square last winter because the thieves failed to take it.
   A. didn't steal B. wasn't stolen C. isn't stolen D. weren't stolen
4. _____ valuable works of art _____ in special rooms where the temperature is controlled very carefully?
   A. Do / keep B. Are / kept C. Were / kept D. Did / keep
5. The new apartment block _____ at the moment, so the families who bought flats there cannot move in yet.
   A. is being built B. is built C. was built D. build

II. Rewrite each sentence so that it keeps the same meaning. Use the word in brackets and the words given without changing its meaning.

1. The optical illusions that were displayed in the gallery confused many of the visitors.

→ The optical illusions (display) _____

2. Because the historic building was damaged by a severe storm, it needs urgent repairs.

→ (Damage) _____ the historic building _____

3. Are the engineers currently testing the new security system before its official launch?

→ Is the new security system currently (test) _____

4. Does everyone know that this gallery is the largest in the country?

→ Is this gallery (know) _____

5. People think that the new mural is an important part of the neighbourhood.

→ The new mural (think) _____

C. HOMEWORK

GRAMMAR (18 questions)

I. Con học nghĩa, phát âm và chép từ ở mục EXTRA VOCABULARY (trang 4) một dòng vào vở.

II. Choose the correct answer. Circle A, B, C or D.

1. The architect's first design ____ by the city council because it was thought to be far too expensive.
   A. rejected B. was rejected C. is rejected D. reject
2. Nowadays, thousands of optical illusions ____ on the Internet every day by people who want to test their brains.
   A. share B. were shared C. are sharing D. are shared
3. The new exhibition ____ by the mayor last Friday, and about two thousand visitors came on the first day.
   A. opened B. is opened C. was opened D. were opened

LIVEWORKSHEETS

4. Many rare animals ____ in captivity at the moment, but scientists hope that they will be released into the wild soon.

A. keep B. are being kept C. were kept D. are keeping

5. The old stone bridge ____ in 1890, but it is still used by thousands of people every day.

A. built B. is built C. was built D. was being built

III. Read the text. Write the correct form of the verb in brackets. Use the Present Simple Passive, Present Continuous Passive or Past Simple Passive.

The Riverside Art Museum

The Riverside Art Museum is visited by more than half a million people every year. The building (1) _____ **(design)** by a famous architect in 1998, and its huge skylight windows (2) _____ **(admire)** by visitors today because they let in a lot of natural light. At the moment, the east wing of the museum (3) _____ **(repair)**, so some of the works of art (4) _____ **(move)** to the basement, where they will remain for a few months. Last year, a new exhibition of optical illusions (5) _____ **(open)** by the mayor, and it (6) _____ **(describe)** by many newspapers as the best show in the country. Every summer, free tours (7) _____ **(offer)** to school groups, and the students (8) _____ **(give)** a short quiz at the end of the visit.

IV. Each sentence has one mistake. Underline the mistake and write the correction.

1. The works of art stealing from the museum last year have finally been found by the police in an old warehouse near the river.

→ _____

2. The pictures drew by the children in the art class are on display in the school hall, and many parents have come to see them.

→ _____

3. The students who teach by the new teacher improved their results quickly, although some of them were nervous at first.

→ _____

4. The old tunnel is thought be one of the most dangerous places in the city, so tourists are advised not to visit it at night.

→ _____

5. It is know that the Mona Lisa is the most famous painting in the world, although many visitors are disappointed by its small size.

→ _____

EXTRA VOCABULARY

Con học thuộc các từ dưới đây để làm bài bên dưới và chuẩn bị cho bài kiểm tra buổi sau nhé!

Con truy cập link hoặc quét QR code để nghe và đọc lại từ vựng nhé:
https://soundcloud.com/ms-chi-english/viet-s8-w14-extra-vocab

No.	Words/Phrases	Meanings	No.	Words/Phrases	Meanings
1	**discouraged** (adj)	nản lòng	6	**assume** (v)	cho rằng, giả định
2	**get over** (phr)	vượt qua	7	**browse** (v)	lướt, xem qua

LIVEWORKSHEETS

3	**aim for** (phr)	hướng tới mục tiêu	8	**polish** (v)	trau chuốt, hoàn thiện
4	**comparatively** (adv)	tương đối, khi so sánh	9	**interruption** (n)	sự gián đoạn
5	**adjust** (v)	điều chỉnh			

FCE LISTENING PART 3 (5 questions)

Con truy cập link hoặc quét QR code để làm bài nghe nhé:

https://soundcloud.com/ms-chi-english/viet-s8-w14-fce-listening-part

You will hear five teenage writers talking about the process of creative writing. For questions 19–23, choose from the list (A–H) the advice each speaker gives. Use the letters only once. There are three extra letters which you do not need to use.

A. Ask friends to read and comment on your writing.
B. Add new characters to make your writing more lively.
C. Don't plan your ending too soon.
D. Write at speed and then go back and improve your writing.
E. Don't become discouraged when you're stuck for ideas.
F. Experiment with how your writing sounds.
G. Don't get distracted while you're writing.
H. Read the work of great writers for inspiration.

Questions

19. Speaker 1: _____
20. Speaker 2: _____
21. Speaker 3: _____
22. Speaker 4: _____
23. Speaker 5: _____

LIVEWORKSHEETS